

**TÌNH HÌNH DỊCH THUẬT VÀ XUẤT BẢN
TIỂU THUYẾT MINH - THANH (TRUNG QUỐC) Ở VIỆT NAM
ĐẦU THẾ KỈ XX (1900-1930)**

WANG JIA*

TÓM TẮT

Đầu thế kỉ XX, ở Việt Nam đã xuất hiện một phong trào dịch tiểu thuyết Minh Thanh với số lượng sách dịch khổng lồ. Bài viết khảo sát các bản dịch tiểu thuyết Minh Thanh trong ba thập kỉ đầu thế kỉ XX để làm rõ tình hình dịch thuật đó và phân tích nguyên nhân xuất hiện cũng như những đặc điểm xuất bản của các bản dịch.

Từ khóa: tiểu thuyết Minh – Thanh, thế kỉ XX, phiên dịch.

ABSTRACT

*Study on Vietnam translating and publishing Chinese Ming-Qing novels
in the early 20th century (1900-1930)*

At the beginning of the 20th century, a moment of literature translation involving a huge quantity of novels from the Ming-Qing dynasties emerged in Vietnam. The article is about the translations of Ming-Qing novels into Vietnamese during the three decades in the early 20th century; clarifies the status of that moment; and analyzes its causes as well as the publishing properties of those translations.

Keywords: Ming – Qing novels, the 20th century, translation.

Mối quan hệ giao lưu Trung Quốc và Việt Nam bắt đầu từ rất sớm. Trong sử sách Trung Quốc và Việt Nam có rất nhiều ghi chép về những hoạt động giao lưu giữa Trung Quốc và Việt Nam từ thời cổ đại. Trong đó, có rất nhiều hoạt động giao lưu văn hóa giữa hai nước. Văn hóa Trung Quốc đã để lại dấu ấn sâu sắc trong nền văn hóa Việt Nam. Văn học Việt Nam cũng đã tiếp nhận sâu sắc văn học Trung Quốc từ ca dao đến thơ phú, từ

văn vần đến văn xuôi, trong đó có tiểu thuyết Minh Thanh.

1. Tình hình truyền bá của tiểu thuyết Minh Thanh tại Việt Nam trước thế kỉ XX

Tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc có lịch sử lâu dài. Từ thời Ngụy Tấn đã xuất hiện tiểu thuyết “chí quái” và “tiểu thuyết chí nhân”, qua mấy triều đại phát triển, cho đến thời kì Minh Thanh tiểu thuyết Trung Quốc đã phát triển chín muồi. Trong thời kì này, đã xuất hiện nhiều tác phẩm bất hủ.

1.1. Con đường truyền bá của tiểu

* ThS, Trường Đại học Ngoại ngữ Bắc Kinh

thuyết Minh Thanh vào Việt Nam

Do quan hệ chặt chẽ giữa Trung Quốc và Việt Nam trong lịch sử, nên hai nước thường phái sứ giả đi lại. Chính những sứ giả đó đã đóng vai trò quan trọng trong hoạt động giao lưu văn học Trung - Việt. Các tài liệu lịch sử Trung Quốc và Việt Nam cho thấy các sứ giả Việt Nam nhân dịp sang thăm Trung Quốc thường mua nhiều sách Trung Quốc, trong đó có tiểu thuyết Minh Thanh.

Về việc mua sách tại Trung Quốc, Lê Quý Đôn trong *Bắc Sử thông lục* có ghi lại một câu chuyện xảy ra trong khi đi sứ Trung Quốc vào năm 1761. Trên đường đi qua Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây Trung Quốc khi trở về Việt Nam, sứ đoàn Việt Nam đã bị các quan chức Trung Quốc tịch thu 20 bộ sách Trung Quốc mà họ mua tại Trung Quốc. Trong 20 bộ sách đó, 1/3 là tiểu thuyết như *Phong thần diễn nghĩa* 封神演义, *Sơn Hải kinh* 山海经, *Kim cổ kì văn* 今古奇闻 v.v. [4].

Câu chuyện này cho thấy, trước thế kỉ XX, tầng lớp thượng lưu Việt Nam đã quen thuộc và ưa thích tiểu thuyết Minh Thanh Trung Quốc.

1.2. Ảnh hưởng của tiểu thuyết Minh Thanh tại Việt Nam trước thế kỉ XX

Trước thế kỉ XX, ở Việt Nam, tầng lớp đại sĩ phu, nho sĩ vì đọc được chữ Hán, họ có thể đọc hiểu sách Trung Quốc và tiếp nhận tiểu thuyết Minh Thanh một cách trực tiếp. Họ đã lựa chọn những tiểu

thuyết Minh Thanh mà họ ưa thích rồi cải biên và dùng chữ Hán, chữ Nôm viết lại thành truyện Việt Nam, trong đó có một số đã trở thành kiệt tác trong kho tàng văn học Việt Nam lẫn thế giới. Trong luận án tiến sĩ *Nghiên cứu về quan hệ giữa truyện Nôm và tiểu thuyết Trung Quốc* (1974), Trần Quang Huy đã liệt kê những truyện Nôm có chịu ảnh hưởng của tiểu thuyết Minh Thanh như *Truyện Kiều với Kim Vân Kiều truyện* 金云翘传, *Truyền kì mạn lục và Tiễn đăng tân thoại* 剪灯新话, *Nữ tú tài truyện* và *Nữ tú tài di hoa tiếp mộc* 女秀才移花接木, *Nhị độ mai* và *Trung hiếu tiết nghĩa Nhị độ mai* 忠孝节义二度梅, *Tây du truyện* và *Tây du kí* 西游记 v.v. [5]

Ngoài ra, một số tiểu thuyết Minh Thanh còn được chuyển thể sang kịch bản sân khấu. Trong 50 loại kịch bản khắc gỗ được giữ tại Bảo tàng Anh quốc có 9 loại có liên quan tới truyện *Tam Quốc* gồm những vở kịch như *Tam cố mao lư*, *Giang hữu cầu hôn kí*, *Hoa trúc truyện*, *Kinh Châu phó hội*, *Hoa Dung đạo*, *Tiệt Giang truyện*, *Đương Dương Trùng Bản* v.v... Mấy bản khắc gỗ đó đều viết bằng chữ Hán lẫn chữ Nôm, cho nên có thể là kịch bản trước thế kỉ XIX. [6, tr.134]

Nhờ vào những kịch bản trên, có thể công chúng Việt Nam đã biết được

những truyện trong tiểu thuyết Minh Thanh trước thế kỉ XX. Bởi vì nghệ thuật sân khấu rất gần gũi với công chúng, thông qua xem các vở kịch, người dân Việt Nam làm quen với các hình tượng trong truyện Trung Quốc như Trương Phi, Tào Tháo, Quan Vân Trường v.v.. và qua đó tiếp xúc được tiểu thuyết Minh Thanh một cách gián tiếp, mặc dù không biết chữ Hán và chữ Nôm.

Trong cuốn sách giáo khoa *Tiểu học gia ngôn diễn nghĩa* xuất bản vào năm 1899, Trương Minh Ký đã sao lục lời nói mà “An-nam ta hay dùng hay nói” do ông “rút trong Tam quốc ” (chữ của Trương Minh Ký) để dạy chữ cho trẻ con, những lời nói đó “đều là những thành ngữ hoặc những câu bốn chữ: *Mại chủ cầu vinh; Tướng thanh bình cường; Lương thiếu bình đa; Khí định thần nhàn; Trảm thảo trừ căn; Phá thạch tạc sơn; Lộng giả thành chơn; Tâm định thần minh* [2]. Nội dung của sách giáo khoa này đã cho thấy rõ ảnh hưởng của tiểu thuyết Minh Thanh nói chung, truyện *Tam quốc* nói riêng đối với xã hội Việt Nam trước thế kỉ XX.

Tóm lại, trước thế kỉ XX, tiểu thuyết Minh Thanh đã có mặt tại Việt Nam và đã ảnh hưởng lớn trong ngôn ngữ, văn học, nghệ thuật sân khấu Việt Nam lúc bấy giờ.

2. Tình hình dịch tiểu thuyết Minh Thanh ở Việt Nam giai đoạn 1900-1930

Đầu thế kỉ XX đã xuất hiện một phong trào dịch truyện Tàu sang chữ Quốc ngữ tại Việt Nam. Thông qua

nghiên cứu và khảo sát các thư mục đã có của giáo sư Trung Quốc Nhan Bảo và học giả Việt Nam Bùi Đức Tịnh cũng như 15 bộ sách dịch truyện Tàu mà chúng tôi đã sưu tầm và các sách dịch được giữ tại thư viện Đại học Harvard, thư viện Đại học Cornell v.v., người viết đã làm một thư mục (chưa đầy đủ) về những bộ tiểu thuyết Minh Thanh được dịch sang chữ Quốc ngữ (1900-1930) gồm 135 bản dịch tiểu thuyết (không tính tái bản) dịch từ 72 bộ tiểu thuyết thuyết Minh Thanh. Trong đó có 12 bản dịch không rõ năm xuất bản.

Từ những bản dịch trên, chúng tôi được biết ngay từ thập kỉ đầu của thế kỉ XX đã có 51 bản dịch tiểu thuyết Minh Thanh được xuất bản, trong đó ngoài bản dịch tiểu thuyết *Tam quốc diễn nghĩa* do Phan Kế Bính dịch được xuất bản tại Hà Nội ra, những bản dịch còn lại đều được xuất bản tại Sài Gòn.

2.1. Nguyên nhân hình thành phong trào dịch tiểu thuyết Minh Thanh tại Việt Nam vào đầu thế kỉ XX

Năm 1858, nước Pháp xâm lược Việt Nam. Ngày 5 tháng 6 năm 1862, Hòa ước Nhâm Tuất được kí tại Sài Gòn. Từ đó bắt đầu chế độ cai trị thực dân gần 80 năm tại Việt Nam. Năm 1867, Pháp chiếm toàn bộ lục tỉnh Nam Kỳ.

Trong khi thực hiện các chính sách thuộc địa, nước Pháp luôn luôn tuân thủ lí luận đồng hóa. Ở Việt Nam cũng vậy, ngay từ hồi mới chiếm Nam Kỳ, các giáo sĩ am hiểu tình hình và văn hóa Việt Nam

đã khuyến cáo thực dân Pháp bỏ chữ Nho và lợi dụng chữ Quốc ngữ, họ chủ trương “dạy chữ Pháp và dùng chữ Âu-châu để viết tiếng An-nam” [3, tr.21]. Ý đồ của các giáo sĩ là tách Việt Nam ra khỏi ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa, tuyên truyền văn hóa tư tưởng phương Tây, thực hiện chính sách đồng hóa tại Việt Nam. Ý đồ này trong bức thư của giám mục Puginier gửi cho Tổng trưởng thuộc địa đề ngày 4-5-1887 được kể ra một cách rõ ràng:

“Điều thứ hai phải làm là bỏ chữ Nho và trước hết thay thế bằng tiếng An-nam với chữ viết Âu-châu gọi là ‘cuộc ngữ’ rồi sau đó bằng tiếng Pháp.

Nhưng việc này phải tiến hành chậm chạp, từ từ và cũng không nên nói ra, vì ngại đụng chạm tới dân chúng đã quen dùng chữ Nho và vì lí do chính trị, để tránh làm méch lòng nước Tàu.

...

Vấn đề này có một tầm quan trọng rất lớn, và sau khi đạo Thiên Chúa đã được thiết lập, tôi coi việc bãi bỏ chữ Nho và việc thay thế dần dần bằng chữ Quốc ngữ trước tiên rồi bằng chữ Pháp như một phương thức rất chính trị, rất thực tế và rất hữu hiệu để lập ở Bắc kì một nước Pháp nhỏ của Viễn đông” [3, tr.21-22].

Các quan chức của chính quyền thực dân Pháp cũng ý thức được tầm quan trọng chính trị của việc xóa bỏ chữ Nho, truyền bá chữ Quốc ngữ và văn hóa châu Âu. Paulin Vial - Giám đốc Nội vụ

Sứ phủ Nam Kỳ đã ghi nhận trong một thư gửi cho Quan bố Sài Gòn ngày 15-1-1886:

“Ngay từ những ngày đầu, người ta đã nhìn nhận chữ Nho là một hàng rào thêm nữa ngăn cách chúng ta với người bản xứ;... chúng ta bó buộc phải theo những truyền thống của nền học chánh của chúng ta, đó là nền học duy nhất làm cho chúng ta gần người An Nam ở thuộc địa bằng cách gieo vào đầu họ những nguyên tắc của nền văn minh Âu Châu và bằng cách cô lập họ khỏi ảnh hưởng thù địch của những nước láng giềng” [3, tr.85-86].

Như vậy, dưới sự thúc đẩy mạnh mẽ của nhà cầm quyền thực dân Pháp, vai trò của chữ Quốc ngữ tại Việt Nam đã từ tôn giáo chuyển sang xã hội, từ công cụ truyền đạo của các giáo sĩ phương Tây biến thành công cụ cai trị và thực hiện chính sách đồng hóa tại Việt Nam của thực dân Pháp.

Mặc dù thực dân Pháp sử dụng những biện pháp bắt buộc và dụ dỗ người dân Việt Nam học chữ Quốc ngữ, nhưng hiệu quả không được tốt. Bởi vì thực dân Pháp coi tiếng Việt và chữ Quốc ngữ là một loại văn từ bình dân, quá độ, chứ không phải là một thứ tiếng của văn học như tiếng Hán hoặc tiếng Pháp, cho nên các trường học không biên soạn và in ra những sách giáo khoa để các em học sinh đọc. Do đó, mặc dù học sinh đã đọc và viết được chữ Quốc ngữ, nhưng ngoài đọc những công văn, nghị định trên các

tờ công báo ra, chẳng có kiến thức về văn hóa, luân thường đạo lý gì hết. Các em học sinh bị “mọi người đều khinh bỉ cái hiểu biết con vẹt của nó và đứa trẻ bị nhục nhã, vội vã bỏ qua tất cả những gì nó đã học theo lệnh của viên chức xã áp để làm hài lòng nhà cầm quyền Pháp” [3, tr.107]. Như vậy, rất ít người muốn theo học chữ Quốc ngữ, bởi vì học xong vẫn không có kiến thức gì khác, cũng chẳng làm được gì cả.

Với sự thất bại trong việc giáo dục Quốc ngữ, thực dân Pháp đã dần dần nhận thức được họ không thể trong chốc lát xóa bỏ ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa tại Việt Nam, bởi vì văn hóa Việt Nam có quan hệ chặt chẽ với văn hóa Trung Hoa.

Do đó, thực dân Pháp đã đề ra chủ trương dịch các loại sách kinh điển Trung Quốc và những sách Hán Nôm của Việt Nam ra chữ Quốc ngữ. Họ cho rằng “Người ta sẽ không chống lại việc học chữ viết bằng mẫu tự La-tinh, nếu tiếng An Nam được thay thế để dịch một vài tác phẩm Trung Hoa cơ bản và cổ điển. Nếu sau đó, người ta cung cấp cho các học sinh những sách viết bằng tiếng An Nam và chứa đựng nhiều ý tưởng mới mẻ đối với họ, họ sẽ tiếp tục học và chữ Nho sẽ mất một phần ảnh hưởng và người An Nam sẽ bắt đầu viết bằng chữ của họ” [3, tr.109].

Dưới sự ủng hộ của nhà cầm quyền thuộc địa, nhiều người Việt Nam có trình độ Hán học và Tây học như Trương Vĩnh

Ký, Huỳnh Tịnh Của, Trương Minh Ký v.v.. đã bắt tay dịch những sách kinh điển Trung Quốc ra chữ Quốc ngữ. Trương Vĩnh Ký đã dịch *Tứ Thư* từ tiếng Hán ra Quốc ngữ vào năm 1889. Huỳnh Tịnh Của đã dịch một số truyện rút trong các sách hay Trung Quốc như *Trang Tử*, *Chiến quốc sách*, *Sử kí*, *Liêu trai chí dị* v.v. thành cuốn sách *Chuyện giải buồn* (1886).

Đầu thế kỉ XX, nhiều dịch giả bắt đầu dịch tiểu thuyết Minh Thanh ra chữ Quốc ngữ. Khi lựa chọn truyện Tàu, các dịch giả cũng rất coi trọng ý nghĩa giáo dục trong tiểu thuyết Minh Thanh. Họ thường lựa ra những bộ tiểu thuyết kể chuyện về những nhân vật trung quân, hiếu nghĩa để dịch. Như trong bài tựa của sách dịch *Vạn-huê-lâu điển nghĩa*, người dịch Nguyễn Chánh Sắt viết rằng: “Khi tôi xem đến bộ *Văn-huê-lâu* này tự thù chùi vùi, thấy cũng có nhiều gương đáng để mà răn đời, bởi vậy cho nên tôi phải liềm công khó nhọc dịch ra hầu để cho bọn thanh-niên nhơn lúc rảnh xem chơi noi gương tốt bỏ gương hư, đặng mà sửa nhà trau mình cho vuôn tròn cải nhơn-phẩm.”¹ (Chữ của Nguyễn Chánh Sắt) [5].

Như vậy, chủ trương dịch các sách Trung Quốc của thực dân Pháp là nhằm truyền bá chữ Quốc ngữ, tăng cường thống trị tại Việt Nam. Nhưng ngược lại, chủ trương này cũng tạo điều kiện xuất hiện phong trào dịch tiểu thuyết Minh Thanh nói riêng tại Việt Nam đầu thế kỉ XX.

2.2. Đặc điểm của phong trào dịch tiểu thuyết Minh Thanh tại Việt Nam 1900-1930

2.2.1. Phong trào dịch tiểu thuyết Minh Thanh khởi đầu từ Nam Kỳ

Ngày 1 tháng 8 năm 1901, bản dịch Quốc ngữ của *Tam quốc chí tục dịch* được đăng trên số 1 báo *Nông Cổ mìn đằm*. Đây là bản dịch Quốc ngữ đầu tiên của tiểu thuyết Minh Thanh Trung Quốc.

Sau đó, phong trào dịch tiểu thuyết Minh Thanh tại Nam Kỳ xuất hiện. Trong 5 năm đầu chỉ có 2 bản dịch tiểu thuyết Minh Thanh được xuất bản, nhưng chỉ riêng năm 1906 thì có đến 16 bản dịch được xuất bản. Vì Nam Kỳ sử dụng chữ Quốc ngữ sớm hơn Bắc Kỳ nhiều năm, và ngành in, báo chí của Nam Kỳ cũng phát triển sớm hơn Bắc Kỳ, cho nên trong 20 năm đầu ở miền Nam có 67 bản tiểu thuyết Minh Thanh được xuất bản, còn ở miền Bắc chỉ bản dịch *Tam quốc chí diễn nghĩa* của Phan Kế Bính xuất bản tại Hà Nội. Có thể nói kể từ năm 1922, ở miền Bắc mới xuất hiện phong trào dịch tiểu thuyết Minh Thanh. (Xem bảng dưới đây)

Bảng so sánh số lượng bản dịch tiểu thuyết Minh Thanh ở miền Bắc và miền Nam giai đoạn 1900-1930

Giai đoạn	Miền Bắc	Miền Nam
1900-1910	1	50
1911-1920	0	17
1921-1930	28	27

2.2.2. Tiểu thuyết Minh Thanh bán chạy tại Việt Nam

Đầu thế kỉ XX, tiểu thuyết Minh Thanh rất được người đọc ưa thích, thể hiện trong những mặt dưới đây:

Thứ nhất, một cuốn tiểu thuyết Minh Thanh có mấy bản dịch khác nhau. Chẳng hạn như trong 3 thập kỉ đầu thế kỉ XX bộ tiểu thuyết *Tam quốc diễn nghĩa* có 5 bản dịch được xuất bản tại Sài Gòn lẫn Hà Nội, bộ *Đông Chu liệt quốc* đã được dịch 4 bản khác nhau v.v.

Thứ hai, nhiều bộ tiểu thuyết được tái bản nhiều lần trong thời gian ngắn, như sách dịch *Tây du diễn nghĩa*, từ năm 1914 đến năm 1928 đã được tái bản 4 lần.

Thứ ba, số lượng bản in cũng rất lớn, bộ tiểu thuyết *Phi long diễn nghĩa* được xuất bản vào năm 1928 đã được in 4000 bản một lần.

Ba điều trên cho thấy sự yêu thích tiểu thuyết Minh Thanh tại Việt Nam trong 3 thập kỉ đầu thế kỉ XX.

2.2.3. Lượng dịch giả tham gia phong trào dịch tiểu thuyết Minh Thanh

Theo thống kê chưa đầy đủ, trong 30 năm đã có 56 dịch giả tham gia hoạt động phiên dịch tiểu thuyết Minh Thanh ở miền Nam lẫn miền Bắc. Trong đó, có dịch giả đã dịch hơn 10 bộ tiểu thuyết trong vòng 30 năm, như Nguyễn Chánh Sắt dịch 19 bộ; Trần Phong Sắc dịch 17 bộ, hiệu đính 1 bộ; Nguyễn An Khương dịch 11 bộ. Nguyễn An Khương cùng Nguyễn Chánh Sắt và Trần Phong Sắc được phong danh “những tay dịch thuật trứ danh ở Nam Kỳ” [1]. Ngoài ra, còn có

nhiều dịch giả dịch được 5 bộ, 4 bộ, 3 bộ v.v..

2.2.4. Thể loại tiểu thuyết Minh Thanh được dịch

Các bộ tiểu thuyết dịch sang Quốc ngữ trong phong trào dịch tiểu thuyết Minh Thanh 1900-1930 chủ yếu ở 6 thể loại: tiểu thuyết diễn nghĩa lịch sử, tiểu thuyết truyền kì anh hùng, tiểu thuyết tài tử giai nhân, tiểu thuyết hiệp nghĩa công án, tiểu thuyết thế tình và tiểu thuyết thần kì. Trong đó thể loại truyền kì anh hùng và diễn nghĩa lịch sử được dịch nhiều nhất: 18 bộ và 17 bộ.

2.2.5. Tên sách được chuyển đổi trong quá trình phiên dịch

Trong các bản dịch, nhiều bộ tiểu thuyết đã chuyển đổi tên sách khi phiên dịch. Ví dụ *Thủy hử truyện* dịch thành *Thủy hử diễn nghĩa*, *Vạn Hoa Lâu toàn truyện* dịch thành *Vạn Huê Lâu diễn nghĩa*, *Tôn Bàng đấu chí diễn nghĩa* thành *Xuân Thu oanh liệt* v.v.. Còn có một số sách dịch tuy đã đổi tên, nhưng bên trong vẫn để tên cũ, như bộ sách *Bắc Tống diễn nghĩa*, ở bìa ngoài để *Bắc Tống toàn truyện*, ở bên trong vẫn giữ nguyên tên cũ.

Còn có một hiện tượng một bộ tiểu thuyết Minh Thanh được dịch dưới 2, 3 tên khác nhau, như bộ *Nhị độ mai toàn truyện* 二度梅全传 được dịch thành hai tên là *Nhị độ mai* (Nguyễn Văn Bân dịch) và *Mai Lương Ngọc diễn nghĩa* (Nguyễn An Khương; Phạm Văn Cường); *Thánh*

triều đình thịnh vạn niên thanh

圣朝鼎盛万年清 được dịch thành hai tên

là *Càn Long hạ Giang Nam* (Huỳnh Trí Phú dịch) và *Vạn niên thanh* (Phùng Huy

dịch); *Long đồ kì án* 龙图奇案 được

thành ba tên là *Long đồ công án* (Nguyễn Chánh Sắt dịch), *Bao Công kì án* (Ngô Văn Triện dịch) và *Long đồ công án: Bao Công thám án* (Nguyễn Ngọc Thơ dịch).

Các dịch giả cũng không phải cầu thả đặt tên sách dịch, mà có những căn cứ rõ ràng. Bởi vì các bộ tiểu thuyết Minh Thanh Trung Quốc ngoài tên chính ra, còn có mấy tên nữa. Ví dụ bộ tiểu thuyết *Long đồ công án*, tên chính là *Long đồ công án*, và có tên khác là *Bao Công kì án*, *Bao Công án* v.v... Do đó, các dịch giả chọn tên nào để làm tên sách dịch của mình đều đúng. Và điều đó cũng chứng tỏ các dịch giả Việt Nam đọc rất kĩ các bản sách tiểu thuyết Minh Thanh cũng như hiểu thấu nội dung của các truyện.

2.2.6. Hình thức xuất bản

Trong phong trào dịch đầu thế kỉ XX, các bộ tiểu thuyết Minh Thanh đến với người đọc bằng hai con đường chính. Thứ nhất là đăng bản dịch tiểu thuyết trên các tờ báo, như *Nông Cổ mìn đàm*, *Phụ nữ tân văn*, *Lục tỉnh tân văn* v.v.. Thứ hai là in thành các tập nhỏ để xuất bản. Mỗi tập khoảng 20-40 trang. Giá bán 40 xu. Dựa vào nội dung của mỗi bộ tiểu thuyết, số lượng tập sách cũng khác nhau. Như bộ sách dịch *Thập nhị quả phụ chinh Tây*

có 3 tập, *Tiết Đình San chinh Tây diễn nghĩa* có 11 tập, *Tây Hớn diễn nghĩa* có 15 tập v.v.. Các bộ tiểu thuyết đó được bán tại nhà ga, bến xe v.v., người đọc rất dễ mua. Với phương pháp tiêu thụ đó, các bộ tiểu thuyết Minh Thanh được truyền bá một cách nhanh chóng và gây ảnh hưởng lớn trong xã hội Việt Nam.

2.2.7. Phong cách biên dịch

Khi dịch các bộ tiểu thuyết Minh Thanh, các dịch giả đều lựa chọn hình thức câu văn đơn giản, bình dân, làm cho nội dung tiểu thuyết dễ hiểu, ngay cả trẻ con cũng đọc được. Do đó, tiểu thuyết Minh Thanh thu hút được độc giả mọi tầng lớp.

Phần lớn văn dịch của họ đều rất chuẩn xác, sát nghĩa với nguyên văn, không tăng, bớt hoặc thay đổi nội dung của tiểu thuyết. Thế nhưng cũng có trường hợp dịch giả bỏ dịch một phần nội dung của tiểu thuyết như bộ *Bắc Tống toàn truyện* bản năm 1930. *Bắc Tống diễn nghĩa* dịch từ tiểu thuyết *Bắc Tống chí truyện* của Trung Quốc. Bộ tiểu thuyết này có 50 hồi, nhưng bản dịch *Bắc Tống toàn truyện* chỉ có 30 hồi, dịch giả ghép hồi 30 và 31 thành một hồi là hồi thứ 30 để làm kết thúc truyện và không dịch 19 hồi còn lại. Ở đoạn cuối toàn bộ truyện, người dịch viết rằng: “Tiếp truyện này là bộ THẬP-NHỊ QUẢ-PHỤ CHINH-TÂY”. Từ đó người viết mới biết rõ lí do vì sao người dịch đã bỏ dịch 19 hồi còn lại. Bởi vì *Thập-nhị-quả-phụ chinh Tây* là dịch từ tiểu thuyết *Thiên*

Môn Trận Thập nhị quả phụ chinh Tây của Trung Quốc. Bộ tiểu thuyết này tổng cộng có 19 hồi, nội dung tương đương với nội dung từ hồi 32 đến hồi 50 của tiểu thuyết *Bắc Tống chí truyện*. Do đó, dịch giả bỏ dịch 19 hồi phần sau của *Bắc Tống chí truyện* mà chuyển dịch cuốn *Thập-nhị-quả-phụ chinh Tây* là một chuyện dễ hiểu. Như vậy, nhà xuất bản cũng có thể xuất bản hai bộ tiểu thuyết dịch để bán có lợi nhuận và thu hút các độc giả. Điều này cũng chứng tỏ sự hiểu biết sâu sắc của các dịch giả đối với tiểu thuyết Minh Thanh.

Trong các bản dịch tiểu thuyết Minh Thanh cũng có trường hợp là dịch giả lẫn lộn các bản tiểu thuyết Minh Thanh mà dịch hai cuốn tiểu thuyết gộp thành một cuốn. Ví dụ trong bản dịch *Phi Long diễn nghĩa* năm 1928, dịch giả Huỳnh Công Giác đã dịch hai cuốn tiểu thuyết là *Phi Long toàn truyện* (nhà Thanh) và *Nam Tống chí truyện* (nhà Minh) thành một cuốn sách với tên là *Phi Long diễn nghĩa*.

3. Kết luận

Tóm lại, trong 30 năm đầu thế kỉ XX đã xuất hiện phong trào dịch tiểu thuyết Minh Thanh tại Việt Nam. Phong trào đó khởi đầu từ miền Nam Việt Nam. Trong phong trào này, có gần 100 bộ tiểu thuyết Minh Thanh được biên dịch sang chữ Quốc ngữ. Các bộ tiểu thuyết Minh Thanh đó đã được mọi lớp người dân, cả thành phố lẫn nông thôn ưa thích. Quan niệm đạo đức truyền thống như trung

hiếu, tiết nghĩa, cương trực hàm chứa phong trào dịch tiểu thuyết Minh Thanh trong các bộ tiểu thuyết đã góp phần vào tại Việt Nam cũng đã góp phần đáng kể việc giữ gìn văn hóa truyền thống cho vào sự phát triển của chữ Quốc ngữ ở Việt Nam. Ngoài ra, sự xuất hiện của giai đoạn này.

¹ Với mục đích tôn trọng người dịch, chúng tôi giữ nguyên văn của người dịch tại đây. Xin đọc lại như sau: “*Khi tôi xem đến bộ Văn huê lâu này tự thú kì vĩ, thấy cũng có nhiều gương đáng để mà răn đời, bởi vậy cho nên tôi phải liềm công khó nhọc dịch ra hầu để cho bọn thanh niên nhân lúc rảnh xem chơi noi gương tốt bỏ gương hư, đặng mà sửa nhà trau mình cho vuông tròn cái nhân phẩm*”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Công Danh (dịch) (Không rõ thời gian xuất bản), “Lời rao cần kíp”, *Tam hợp bửu kiếm*, Imp. J. Nguyễn – Văn – Viết & Files, Sài Gòn.
2. Bằng Giang (1992), *Văn học quốc ngữ ở Nam Kỳ 1865-1930* (tái bản lần thứ nhất), Nxb Trẻ, TP HCM.
3. Huỳnh Công Giác dịch (1928), *Phi-Long diễn nghĩa*, Imprimerie Joseph Nguyễn Văn Viết, Sài Gòn.
4. Nguyễn Chánh Sắt dịch (Không rõ thời gian xuất bản), *Vạn Huê Lâu diễn nghĩa*, Imp. J. Nguyễn – Văn – Viết & Files, Sài Gòn.
5. Nguyễn Văn Trung (1974), *Chữ, văn, quốc ngữ thời kì đầu Pháp thuộc*, Nam Sơn xuất bản, Sài Gòn.
6. 陈益源(2009),中国明清小说在越南的流传与影响,上海师范大学学报
(哲学社会科学版), (1), 上海, 中国.
7. 夏康达,王小平主编(2000),二十世纪国外中国文学研究,天津人民出版社, 天津, 中国.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 28-10-2011; ngày chấp nhận đăng: 16-11-2011)